













## Unit 5: He's happy!

1. Rearrange the letters in the correct order to make a word. (Sắp chữ thành từ đúng)

		
/h/n/u/g/r/y/	/o/h/t	/a/s/d/
<b>hungry</b>	<b>hot</b>	<b>sad</b>
		
<b>cold</b>	<b>happy</b>	<b>thirsty</b>

2. Write **He** or **She**. (Viết **She** hoặc **He**)

		
a. <b>He</b> is sad.	c. <b>She</b> is happy.	e. <b>She</b> is cold.
		
b. <b>He</b> is thirsty.	d. <b>He</b> is hot.	f. <b>She</b> is hungry.

3. Draw a face for each emotion. (Đọc câu. Vẽ mặt theo cảm xúc)



He is happy.



She is sad.



He is hot.



She is cold.

(Vẽ khuôn mặt vui)

(Vẽ khuôn mặt buồn)

(Vẽ khuôn mặt bị nóng)

(Vẽ khuôn mặt bị lạnh)

4. Match (Nói)

